

UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDĐT-GDTCN

Lạng Sơn, ngày tháng 11 năm 2023

V/v cho phép mở lớp dạy tiếng dân tộc
thiểu số Tày T2/2023 tại Trung tâm
Giáo dục thường xuyên, Tin học và
Ngoại ngữ tỉnh

Kính gửi: Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Tin học và Ngoại ngữ tỉnh

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số;

Căn cứ Công văn số 3112/SGDĐT-GDTCN ngày 11/10/2023 của Sở GDĐT Lạng Sơn về việc hướng dẫn tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số;

Sau khi xem xét đề nghị tại công văn số 412a/TTr-TTGDTX,TH&NNT ngày 13/11/2023 của Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Tin học và Ngoại ngữ tỉnh về việc xin mở lớp Tiếng dân tộc;

Sở GDĐT cho phép Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Tin học và Ngoại ngữ tỉnh tổ chức 01 lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Tày) T2/2023 với 68 học viên (*danh sách học viên đính kèm công văn này*).

Yêu cầu Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Tin học và Ngoại ngữ thực hiện nghiêm túc các quy định về bồi dưỡng tiếng dân tộc. Trong quá trình tổ chức giảng dạy, nếu có vướng mắc, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, GDTCN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Mỹ Hạnh

DANH SÁCH HỌC VIÊN TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ (TIẾNG DÂN TỘC TÀY)

TÊN LỚP: T2/2023

Đơn vị tổ chức bồi dưỡng: Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Tin học và Ngoại ngữ tỉnh

(Đính kèm công văn số /SGDDT-GDTXCN ngày /11/2023 của Sở GDĐT)

TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh			Nơi sinh (huyện, tỉnh)	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	Kinh	20	2	1985	Tân Yên - Bắc Giang	Tiểu đoàn huấn luyện- Cơ động
2	Trịnh Văn Bác	Nam	Tày	3	1	1991	Tân Tri - Bắc Sơn	Đồn Biên phòng Hữu Nghị
3	Phạm Quang Bích	Nam	Kinh	13	12	1984	Thành phố Lạng Sơn	Đồn Biên phòng Bảo Lâm
4	Lê Văn Chiến	Nam	Kinh	10	4	1978	Nghĩa Hưng - Nam Định	Đồn Biên phòng Pò Mã
5	Vì Văn Đăng	Nam	Tày	3	10	1974	Tràng Cáo - Văn Quan	Đồn Biên phòng Hữu Nghị
6	Hoàng Văn Diên	Nam	Kinh	10	7	1972	Lương Tài - Bắc Ninh	Đồn Biên phòng Chi Ma
7	Dương Văn Diệp	Nam	Kinh	1	5	1984	Tam Dương - Vĩnh Phúc	Đồn Biên phòng Tân Thanh
8	Hoàng Văn Đông	Nam	Kinh	5	8	1977	Lương Tài - Bắc Ninh	Tiểu Đoàn huấn luyện – Cơ động
9	Bùi Trung Dũng	Nam	Kinh	10	4	1982	Đan Phượng - Hà Nội	Đồn Biên phòng Thanh Lòa
10	Vũ Văn Hạt	Nam	Kinh	20	8	1976	Lương Tài - Bắc Ninh	Đồn Biên phòng Thanh Lòa
11	Nguyễn Trọng Hoàng	Nam	Kinh	5	8	1976	Kinh Môn - Hải Dương	Đồn Biên phòng Chi Ma
12	Chu Văn Hội	Nam	Tày	10	7	1977	Chi Lăng - Lạng Sơn	Tiểu Đoàn huấn luyện- Cơ động
13	Lê Văn Hội	Nam	Kinh	10	3	1978	Lạng Giang - Bắc Giang	Đồn Biên phòng Na Hình
14	Nguyễn Xuân Hợp	Nam	Kinh	10	12	1977	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đồn Biên phòng Thanh Lòa
15	Đinh Văn Hưng	Nam	Tày	5	2	1981	Thụy Hùng - Văn Lãng	Đồn Biên Phòng Hữu Nghị
16	Hà Văn Hưng	Nam	Nùng	8	6	1976	Đắp Cầu - Bắc Ninh	Đồn Biên phòng Chi Ma
17	Nguyễn Quang Huy	Nam	Kinh	16	9	1971	Hiệp Hoà - Bắc Giang	Đồn Biên phòng Bắc Xa
18	Thái Quốc Huy	Nam	Kinh	10	1	1978	Lý Nhân - Hà Nam	Đồn Biên phòng Na Hình
19	Nguyễn Thế Khắc	Nam	Kinh	20	7	1984	Quảng Yên - Quảng Ninh	Đồn Biên phòng Bắc Xa
20	Ngô Cao Khải	Nam	Kinh	1	10	1976	Ứng Hoà - Hà Nội	Đồn Biên phòng Thanh Lòa
21	Hoàng Văn Khôn	Nam	Nùng	2	2	1981	Quan Sơn - Chi Lăng	Đồn Biên phòng Bảo Lâm
22	Vũ Anh Linh	Nam	Kinh	29	5	1984	Thành phố Nam Định	Đồn Biên phòng Hữu Nghị
23	Tô Đức Long	Nam	Kinh	14	10	1992	Thành phố Lạng Sơn	Đồn Biên phòng Ba Sơn
24	Lê Văn Mạnh	Nam	Kinh	10	2	1995	Sông Lô - Vĩnh Phúc	Đồn Biên phòng Bình Nghi
25	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	Kinh	23	11	1973	Hiệp Hoà - Bắc Giang	Đồn Biên Phòng Tân Thanh
26	Lục Văn Mậu	Nam	Tày	13	5	1972	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đồn Biên Phòng Chi Lăng
27	Nguyễn Thị Ngọc Minh	Nữ	Kinh	5	8	1982	Hữu Lũng - Lạng Sơn	TT Dịch vụ nông nghiệp TP Lạng Sơn
28	Hoàng Văn Mừng	Nam	Tày	5	5	1971	Văn Quan - Lạng Sơn	Đồn Biên phòng Bình Nghi
29	Lăng Thành Nam	Nam	Kinh	25	8	1976	Thành phố Lạng Sơn	Đồn Biên phòng Tân Thanh
30	Lê Văn Nam	Nam	Kinh	20	1	1971	Quế Võ - Bắc Ninh	Đồn Biên phòng Chi Lăng
31	Đoàn Bá Phát	Nam	Kinh	29	7	1976	Ứng Hoà - Hà Nội	Đồn Biên phòng Ba Sơn
32	Nguyễn Hữu Phong	Nam	Tày	4	12	2001	Thành phố Lạng Sơn	Đồn Biên phòng Pò Mã
33	Nguyễn Văn Phóng	Nam	Kinh	29	3	1974	Kim Thành - Hải Dương	Đồn Biên phòng Bắc Xa
34	Bùi Đức Phúc	Nam	Kinh	21	9	1979	Thành phố Thái Nguyên	Đồn Biên phòng Ba Sơn
35	Chu Văn Quân	Nam	Kinh	12	8	1991	Kim Bảng - Hà Nam	Đồn Biên phòng Chi Lăng
36	Nguyễn Ngọc Quang	Nam	Kinh	10	8	1970	Thanh Sơn - Phú Thọ	Đồn Biên phòng Bình Nghi
37	Nguyễn Hữu Quý	Nam	Kinh	10	2	1972	Yên Phong - Bắc Ninh	Đồn Biên phòng Hữu Nghị
38	Ngô Xuân Sáng	Nam	Nùng	12	9	1986	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng
39	Hoàng Ngọc Sinh	Nam	Nùng	30	10	1982	Cao Lộc - Lạng Sơn	Tiểu đoàn huấn luyện - Cơ động
40	Nguyễn Ngọc Sơn	Nam	Kinh	7	6	1994	Thành phố Lạng Sơn	Đồn Biên phòng Hữu Nghị
41	Phan Hoàng Tâm	Nam	Tày	20	9	1993	Thành phố Lạng Sơn	Đồn Biên phòng Chi Ma
42	Đỗ Tiến Tân	Nam	Kinh	11	8	1989	Lý Nhân - Nam Hà	Tiểu đoàn cơ động- Huấn luyện
43	Hoàng Mạnh Thắng	Nam	Tày	24	4	2000	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đồn Biên phòng Bắc Xa
44	Hà Huy Thành	Nam	Kinh	4	12	1975	Lương Sơn - Hoà	Đồn Biên phòng Tân Thanh
45	Phan Văn Thành	Nam	Kinh	20	2	1977	Mỹ Đức - Hà Nội	Đồn Biên phòng Bảo Lâm
46	Nguyễn Đình Thái	Nam	Kinh	31	7	1978	Thành phố Lạng Sơn	Chi cục Hải quan cửa khẩu Tân Thanh
47	Bế Đức Thiện	Nam	Nùng	10	8	1979	Thành phố Lạng Sơn	Đồn Biên phòng Pò Mã
48	Phạm Huy Thiệp	Nam	Kinh	2	9	1975	Khoái Châu - Hưng Yên	Đồn biên phòng Bắc Xa
49	Nguyễn Quang Thìn	Nam	Kinh	26	2	1976	Tân Yên - Bắc Giang	Đồn Biên phòng Pò Mã
50	Linh Văn Thọ	Nam	Nùng	22	10	1984	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Tiểu đoàn huấn luyện – Cơ động
51	Phạm Văn Thuấn	Nam	Kinh	29	5	1984	Yên Mô - Ninh Bình	Tiểu đoàn huấn luyện- Cơ động
52	Vũ Đức Thường	Nam	Kinh	20	7	1977	Hung Hà - Thái Bình	Đồn Biên phòng Bảo Lâm
53	Nguyễn Văn Thường	Nam	Kinh	8	1	1988	Kim Động - Hưng Yên	Đồn Biên phòng Chi Lăng

			tinh	tộc	sinh				
54	Lương Văn	Thùy	Nam	Kinh	18	6	1979	Thành Phố Bắc Giang	Đồn Biên phòng Pò Mã
55	Liều Kiên	Trung	Nam	Nùng	24	3	1974	Hồng Phong - Bình Giả	Đồn Biên phòng Chi Lăng
56	Nguyễn Thế	Trung	Nam	Kinh	21	9	1991	Thành phố Lạng Sơn	Đồn Biên phòng Thanh Lòa
57	Phạm Trọng	Trường	Nam	Kinh	25	10	1971	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đồn Biên phòng Chi Ma
58	Vũ Xuân	Trường	Nam	Kinh	10	5	1976	Kim Động - Hưng Yên	Đồn Biên phòng Chi Ma
59	Trần Tiến	Tuân	Nam	Kinh	12	1	1974	Tiên Du - Bắc Ninh	Đồn Biên phòng Ba Sơn
60	Lương Văn	Tuấn	Nam	Mông	1	10	1985	Thạch An - Cao Bằng	Đồn Biên phòng Ba Sơn
61	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	Kinh	24	9	1975	TT Lộc Bình - Lộc Bình	Đồn Biên phòng Bình Nghi
62	Đoàn Văn	Tùng	Nam	Tày	15	6	1971	Cao Lộc- Lạng Sơn	Đồn Biên phòng Ba Sơn
63	Hoàng Thanh	Tùng	Nam	Nùng	1	1	1995	Thành phố Lạng Sơn	Đồn Biên phòng Na Hình
64	Nguyễn Kế	Vinh	Nam	Kinh	6	6	1976	Thành phố Ninh Bình	Đồn Biên phòng Chi ma
65	Hoàng Trọng	Vĩnh	Nam	Kinh	25	4	1989	Ý Yên - Nam Định	Đồn Biên phòng Tân Thanh
66	Nông Văn	Vinh	Nam	Nùng	8	6	1984	Hoà Bình - Văn Quan	Đồn Biên phòng Na Hình
67	Lành Kim	Xuân	Nữ	Nùng	15	1	1983	Thành phố Lạng Sơn	Chuyên viên Ban dân vận Tỉnh ủy Lạng Sơn
68	Trần Thanh	Xuyên	Nam	Kinh	5	11	1971	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đồn Biên phòng Bảo Lâm

(Ấn định danh sách có 68 người)